

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2019/HC-ST

Ngày: 15-7-2019

*V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Công Định;
2. Bà Dương Thị Kim Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Văn Việt - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thơm - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2019/TLST-HC, ngày 07 tháng 01 năm 2019 về khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2019/QĐXXST-HC ngày 27 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Bà Bùi Thị B, sinh năm 1948; địa chỉ: Thôn Ph, xã Ph, huyện Gi, tỉnh Hải Dương (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nh - Luật sư của Văn phòng Luật sư Ch thuộc đoàn Luật sư tỉnh Hải Dương (có mặt).

2. *Người bị kiện:* UBND huyện Gi, tỉnh Hải Dương; địa chỉ: Thị trấn Gi, huyện Gi, tỉnh Hải Dương

Người đại diện hợp pháp: Ông Ng - Phó Chủ tịch UBND huyện Gi (đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 10/01/2019 của Chủ tịch UBND huyện Gi).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*

- Vợ chồng anh Hoàng Thanh Tr, sinh năm 1978 và chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn Ph, xã Ph, huyện Gi, tỉnh Hải Dương;

- Chị Hoàng Thị Ph, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn Ph, xã Ph, huyện Gi, tỉnh Hải Dương;

- Anh Hoàng Ngọc A, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn Ph, xã Ph, huyện Gi, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Thực hiện chức năng quản lý Nhà nước trong lĩnh vực đất đai, xét hồ sơ đề nghị của Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã Ph, huyện Gi và đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện Gi. Ngày 12/7/2006, UBND huyện Gi ban hành Quyết định số 1196/2006/QĐ-UBND về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 146 hộ với 152 bộ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại xã Ph, huyện Gi, trong đó có hộ anh Hoàng Thanh Tr được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 127549, tên người sử dụng Hoàng Thanh Tr và Nguyễn Thị D, được quyền sử dụng thửa đất số 170b, diện tích 200m², mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn.

Từ tháng 3 năm 2016 đến tháng 4 năm 2018 bà B có nhiều đơn đề nghị, đơn khiếu nại về việc UBND huyện Gi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Tr, chị D.

Ngày 29/6/2018, Chủ tịch UBND huyện Gi ban hành Quyết định số 1146/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Bùi Thị B - thôn Ph, xã Ph, huyện Gi.

Ngày 24/12/2018, bà Bùi Thị B có đơn khởi kiện gửi đến Tòa án, yêu cầu: Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 127549 ngày 12/7/2006 của UBND huyện Gi cấp quyền sử dụng 200m² đất ở tại thửa số 170b, tờ bản đồ số 03, địa chỉ thửa đất xã Ph, huyện Gi, tỉnh Hải Dương cho anh Hoàng Thanh Tr và chị Nguyễn Thị D.

Ngày 21/6/2019, bà Bùi Thị B có đơn khởi kiện bổ sung, yêu cầu: Hủy Quyết định số 1196/2006/QĐ-UBND ngày 12/7/2006 của UBND huyện Gi đối với phần nội dung cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Hoàng Thanh Tr và chị Nguyễn Thị D.

Bà Bùi Thị B trình bày lý do bà khởi kiện là: Bà và ông Hoàng Văn Ch kết hôn với nhau vào năm 1975, ông bà có 03 người con chung là Hoàng Lan Ph, sinh năm 1976; Hoàng Thanh Tr, sinh năm 1978 và Hoàng Ngọc A, sinh năm 1980. Sau khi kết hôn, do không có đất ở nên vợ chồng bà phải ở nhờ trên đất của anh trai ông Ch, sau đó gia đình bà lại chuyển đến ở trên thửa đất của bố mẹ bà. Năm 1993 xã Ph có chủ trương cấp đất có thu tiền sử dụng cho những hộ gia đình chưa có đất ở nên vợ chồng bà đã làm đơn xin được cấp đất, đơn do ông Ch chồng bà trực tiếp làm, ghi tên Hoàng Thanh Tr là con trai lớn của ông bà.

Tháng 6 năm 1993, UBND xã Ph cấp cho gia đình bà 200m² đất ở thuộc một phần diện tích ao của làng (nay là thửa 170b), ông bà đã phải nộp số tiền 1.205.000đ (một triệu, hai trăm linh năm nghìn đồng). Sau khi được cấp, vợ chồng bà đã lấp ao, làm 03 gian nhà cấp 4 và chuyển cả gia đình đến ở; năm 2002 gia đình bà làm thêm 02 gian nhà nữa. Năm 2003, anh Hoàng Thanh Tr lấy vợ là chị Nguyễn Thị D. Sau khi anh Tr lấy vợ một thời gian, do điều kiện sinh hoạt chật chội nên vợ chồng bà lại vào đất của bố mẹ bà ở (thửa đất cùng trong thôn Ph, xã Ph).

Năm 2006, biết việc UBND huyện Gi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất cho anh Tr, chị D bà B đã nhiều lần mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến gặp cán bộ địa chính xã yêu cầu chuyển sang tên vợ chồng bà nhưng không được giải quyết. Năm 2007 ông Ch chết, năm 2011 bà tổ chức họp gia đình, tất cả các thành viên trong gia đình đều xác định thửa đất là do vợ chồng bà mua và nhất trí chuyển tên thửa đất sang cho bà nhưng chị D (vợ anh Tr) không đồng ý.

Chứng cứ bà giao nộp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình gồm: 01 giấy xác nhận của ông Phạm Ngọc L là trưởng ban địa chính xã Ph giai đoạn 1984 - 1993; 01 biên bản họp gia đình thể hiện nội dung thửa đất 170b là do vợ chồng bà B mua năm 1993 lấy tên Tr, nay sang tên bìa đỏ cho bà (Biên bản được anh Tr và các thành viên trong gia đình ký, chị D không ký).

Người bị kiện - UBND huyện Gi có ý kiến: Thửa đất 170b, tờ bản đồ số 3, diện tích 200m² anh Tr đang sử dụng được UBND xã Ph, huyện Gi cấp trái thẩm quyền vào năm 1993, đã xử lý thu số tiền 1.205.000đ (một triệu, hai trăm linh năm nghìn đồng). UBND huyện Gi không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị B vì việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 170b, tờ bản đồ số 3, diện tích 200m² tại xã Ph cho anh Hoàng Thành Tr và chị Nguyễn Thị D đảm bảo đúng quy trình và căn cứ vào nguồn gốc đất đai, các hồ sơ tài liệu liên quan được lập và đề nghị từ UBND xã Hồng Phúc đến Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Ninh Giang thẩm định, trình UBND huyện Gi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người sử dụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Hoàng Lan Ph và anh Hoàng Ngọc Anh có ý kiến: Thửa đất 170b là do ông Ch, bà B mua của UBND xã năm 1993, việc UBND huyện Gi cấp quyền sử dụng cho anh Tr, chị D là không đúng đối tượng nên anh chị nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà B, đề nghị Tòa án hủy quyết định cấp giấy cũng như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND huyện Gi đã cấp cho anh Tr, chị D.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Tr, chị D có ý kiến: Không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà B, lý do là năm 1993 bố mẹ anh Tr là ông Hoàng Văn Ch và bà Bùi Thị B làm đơn xin cấp đất, thửa đất mang tên anh Tr từ đó

đến nay. Năm 2006 vợ chồng anh chị có đơn đề nghị và đã được UBND huyện Gi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng. Anh Tr xác định, năm 1993 bố mẹ anh là người làm đơn và nộp tiền xin cấp đất cho UBND xã Ph.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại nhưng các bên đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai để Hội đồng xét xử (HĐXX) xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa: Người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, người bị kiện giữ nguyên quyết định hành chính bị khởi kiện; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều giữ nguyên quan điểm đã trình bày.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện có ý kiến: Việc UBND huyện Gi cấp quyền sử dụng thửa đất 170b, tờ bản đồ số 3, diện tích 200m² tại xã Ph, huyện Gi cho anh Hoàng Thanh Tr và chị Nguyễn Thị D là không đúng đối tượng. Vì theo chủ trương của xã, năm 1993 hộ gia đình bà B, ông Ch mới là đối tượng được cấp đất, chính ông Ch là người làm đơn, ông bà là người nộp tiền xin cấp đất; sau khi cấp đất gia đình bà đã lấp ao, làm nhà ở trên mảnh đất này liên tục hơn 10 năm; năm 2006, thủ tục xét duyệt cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Tr, chị D của UBND xã Ph chưa đúng, cụ thể: Hội đồng xét duyệt gồm 12 thành viên song tại biên bản thể hiện chỉ có chủ tịch và thư ký; UBND xã không niêm yết công khai danh sách những hộ được xét duyệt theo quy định. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của bà B là có căn cứ, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện, tuyên hủy Quyết định cấp giấy và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND huyện Gi đã cấp cho anh Tr, chị D.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: việc Tòa án thụ lý, quá trình giải quyết yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; các điều 6, 10, 34, 48, 49, 50 và Điều 52 Luật đất đai năm 2003; Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về ... án phí và lệ phí Tòa án. Xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện, tuyên hủy Quyết định số 1196/2006/QĐ-UBND ngày 12/7/2006 của UBND huyện Gi về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần nội dung và danh sách cấp cho hộ anh Hoàng Văn Tr (tức Hoàng Thanh Tr); hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 127549 ngày 12/7/2006 của UBND huyện Gi cấp quyền sử dụng 200m² đất ở tại thửa số 170b, tờ bản đồ số 03, địa chỉ thửa đất xã Ph, huyện

Gi, tỉnh Hải Dương cho anh Hoàng Thanh Tr và chị Nguyễn Thị D; UBND huyện Gi phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đương sự trong phần tranh luận, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự đến tham gia phiên tòa song người bị kiện; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người trên là đúng quy định tại khoản 1 Điều 158 Luật tố tụng hành chính.

[2] Ngày 12/7/2006, UBND huyện Gi ban hành Quyết định số 1196/2006/QĐ-UBND về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 127549 ngày 12/7/2006 cho anh Hoàng Thanh Tr và chị Nguyễn Thị D được quyền sử dụng 200m² đất ở tại thửa số 170b, tờ bản đồ số 03 tại xã Ph, huyện Gi, tỉnh Hải Dương.

[3] Quyết định số 1196/2006/QĐ-UBND về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 127549 ngày 12/7/2006 công nhận quyền sử dụng 200m² đất ở cho hộ gia đình là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật tố tụng hành chính.

[4] Tháng 3 năm 2016 bà Bùi Thị B khiếu nại về việc UBND huyện Gi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Tr, chị D. Ngày 29/6/2018 Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định số 1146/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Bùi Thị B. Ngày 24/12/2018 Tòa án nhận được đơn khởi kiện của bà B gửi qua dịch vụ bưu chính, bà yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 127549 ngày 12/7/2006 của UBND huyện Gi, là trong thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 3 Điều 116 Luật tố tụng hành chính. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính.

[5] Tại khoản 2 Điều 52 Luật Đất đai năm 2003 quy định: Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mua nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở. Như vậy, UBND huyện Gi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình tại xã Ph, huyện Gi là đúng thẩm quyền.

[6] Bà Bùi Thị B trình bày, năm 1993 UBND xã Ph thông báo chủ trương cấp đất ở có thu tiền cho các hộ nhân dân nên vợ chồng bà đã làm đơn và nộp số tiền 1.205.000đ xin được cấp đất ở, đơn do chồng bà là ông Hoàng Văn Ch viết, trong

đơn ghi tên Tr là con trai lớn của ông bà, khi đó anh Tr mới 14 tuổi, đang học lớp 9 nhưng do phòng tục ở quê bà thường lấy tên con trai lớn gọi tên bố mẹ, thực chất là ông bà xin cấp đất cho hộ gia đình ông bà, khi đó gia đình bà có 5 người, gồm vợ chồng bà và 3 người con đều còn nhỏ. Sau khi được cấp đất, gia đình bà đã lấp ao, làm nhà ở. Năm 2003 anh Tr lấy vợ là chị Nguyễn Thị D về ở cùng gia đình. Sau đó, do điều kiện sinh hoạt chật chội nên ông bà lại vào ở trên đất của bố mẹ bà, để cho vợ chồng anh Tr ở trên thửa đất này chứ ông bà chưa khi nào cho vợ chồng anh Tr, chị D thửa đất này.

[7] Kết quả xác minh tại UBND xã Ph, theo bản đồ 299 được lập năm 1985 thì thửa đất 170b, tờ bản đồ số 3 tại xã Ph là ao của Hợp tác xã thuộc thửa 170, tờ bản đồ 6 của xã Ph do UBND xã quản lý, trước năm 1993 thửa đất vẫn thuộc quản lý của UBND xã Ph. Hồ sơ cấp đất hiện không còn, chỉ còn một danh sách (viết tay) "những hộ cấp đất 93", số thứ tự 10 có tên "Tr" nộp số tiền 1.205.000đ, không xác định được ai là người nộp, nhưng có ký xác nhận người thu tiền là ông L (trưởng ban địa chính xã lúc bấy giờ). Năm 2006 anh Hoàng Thanh Tr và chị Nguyễn Thị D có đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; UBND xã đã xét duyệt và đề nghị UBND huyện. Ngày 12/7/2006 UBND huyện Gi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Tr, chị D thửa 170b, diện tích 200m², tờ bản đồ số 3 tại xã Ph, huyện Gi. Căn cứ để xét cấp đất cho các hộ dân vào năm 1993 trên cơ sở nào hiện không còn hồ sơ lưu trữ nên UBND xã không nắm được. Từ trước năm 1993 cho đến nay hộ gia đình ông Hoàng Văn Ch và bà Bùi Thị B không có đứng tên thửa đất nào tại xã Ph, huyện Gi.

[8] Tại lời khai của ông Hoàng Văn B làm Phó chủ tịch, Trưởng công an xã Ph từ tháng 12/1989 đến tháng 4/1994 và giữ chức vụ quyền chủ tịch UBND xã Ph từ tháng 4/1994 đến tháng 12/1994 xác định: trong giai đoạn từ 1992 - 1994 xã Ph có chủ trương cấp đất cho nhân dân có thu tiền, nhưng số tiền rất ít, chỉ là lệ phí cấp đất; những hộ gia đình chưa có đất ở và những hộ gia đình có nhiều con trai, đã xây dựng gia đình, đã tách hộ, có từ 2 đến 3 hộ sống chung trong một thửa đất thì mới thuộc đối tượng được cấp đất; những cá nhân còn nhỏ, còn đi học không là đối tượng được cấp đất; thời điểm đó hộ gia đình ông Ch, bà B thuộc đối tượng được cấp đất ở nếu như có làm đơn xin cấp đất vì hộ gia đình ông Ch, bà B không có đất ở vẫn ở nhờ trên đất của bố mẹ bà B.

[9] Lời khai của ông L là trưởng ban địa chính xã Ph từ năm 1984 đến cuối năm 1993 xác định, thời điểm năm 1993 gia đình ông Ch, bà B có đơn đề nghị xin cấp đất, người đứng tên là Hoàng Thanh Tr (con trai bà B, ông Ch). Theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã thì gia đình bà B, ông Ch thuộc đối tượng đủ tiêu

chuẩn được cấp đất. Tại giấy xác nhận ngày 14/6/1993 của ông L xác nhận nội dung: Trong khi giao đất cho gia đình ông Ch...có tách ra 1 chéo góc xe con ôm vào đường xóm. Diện tích cấp chỉ có 200m².

[10] Thực tế, tại Quyết định số 271 ngày 01/4/1991, UBND tỉnh Hải Hưng quyết định cho phép UBND xã Ph được sử dụng 10.400m² đất để cấp cho 52 hộ nhân dân trong xã làm nhà ở. Theo danh sách các hộ được cấp đất theo Quyết định 271 của UBND tỉnh Hải Hưng (bl 230, 231) thì đối tượng được cấp đất đều là những hộ chưa có đất ở hoặc những hộ có từ 02 cặp vợ chồng trở lên đang ở chung trên một thửa đất.

[11] Lời trình bày của bà Bùi Thị B phù hợp phù hợp với lời khai của ông Hoàng Văn B, lời khai và giấy xác nhận của ông Phạm Văn L, phù hợp với nội dung Quyết định số 271 ngày 01/4/1991 của UBND tỉnh Hải Hưng. Như vậy, đủ cơ sở xác định năm 1993 hộ gia đình bà Bùi Thị B, ông Hoàng Văn Ch mới thuộc đối tượng được cấp đất theo chủ trương của UBND xã Ph; anh Hoàng Thanh Tr không thuộc đối tượng được cấp đất.

[12] Năm 2006 UBND xã Ph chỉ căn cứ vào danh sách "những hộ cấp đất 93" trong đó có ghi tên "Tr" và số tiền thu 1.205.000đ làm cơ sở xét duyệt, đề nghị UBND huyện Gi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 170b, diện tích 200m², tờ bản đồ số 3 tại xã Ph cho anh Hoàng Thanh Tr, chị Nguyễn Thị D là chưa chặt chẽ, chưa đúng đối tượng, vi phạm Điều 49, Điều 50 Luật đất đai năm 2003. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị B là có căn cứ chấp nhận.

[13] Tại Quyết định 2017/QĐ-UBND ngày 15/01/2018, Chủ tịch UBND huyện Gi đã thu hồi và hủy bỏ Quyết định số 1146/QĐ-UBND ngày 29/6/2018 của Chủ tịch UBND huyện Gi về việc giải quyết khiếu nại của bà Bùi Thị B nên HĐXX không xem xét hủy quyết định giải quyết khiếu nại có liên quan nữa.

[14] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện hủy quyết định hành chính được chấp nhận nên người có quyết định hành chính bị khiếu kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; các điều 6, 10, 34, 48, 49, 50 và Điều 52 Luật đất đai năm 2003; Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về ... án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện, hủy Quyết định số 1196/2006/QĐ-UBND ngày 12/7/2006 của UBND huyện Gi về việc cấp giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất đối với phần nội dung và danh sách cấp cho hộ anh Hoàng Văn Tr (tức Hoàng Thanh Tr); hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 127549 ngày 12/7/2006 của UBND huyện Gi cấp quyền sử thửa đất số 170b, tờ bản đồ số 03, địa chỉ thửa đất xã Ph, huyện Gi, tỉnh Hải Dương, diện tích 200m² cho anh Hoàng Thanh Tr và chị Nguyễn Thị D.

2. *Về án phí*: UBND huyện Gi phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm. Trả lại bà Bùi Thị B 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0004948 ngày 04/01/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

3. *Về quyền kháng cáo*: Người khởi kiện có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương;
- Đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Quốc Quân